

Bản án số: 126/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2022
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi
con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Liêm
2. Ông Trịnh Văn Bé

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 525/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2022/QĐ-ST ngày 22 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 184/2022/QĐST-TA ngày 11 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị S, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp T.B, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; Địa chỉ liên lạc: Khu dân cư ấp L, xã A, huyện C, An Giang, (có đơn xin xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P – Văn phòng luật sư Nguyễn Văn P thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang, (Vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Phi H, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp T.B, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2021, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lê Thị S trình bày: Chị với anh Nguyễn Phi H sau thời gian quen biết, tìm hiểu, tổ chức đám cưới, thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào

năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do không còn tôn trọng nhau, trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cự cãi với nhau, sống ly thân đã nhiều năm. Nay thấy tình cảm giữa chị và anh H không còn, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh Nguyễn Phi H.

- *Về con chung*: vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Thanh N, sinh năm 1991, Nguyễn Thị L.C, sinh năm 1993, đều đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không đề cập.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Bản sao Giấy khai sinh con chung; Tờ tự khai và đơn khởi kiện ngày của ngày 20/10/2021; bản sao trích lục kết hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải để động viên chị S, anh H xóa bỏ những bất đồng quan điểm, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh H đều vắng mặt, điều này thể hiện anh H không có nguyện vọng hàn gắn mâu thuẫn với chị S. Vì vậy, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Tại biên bản xác minh do Cán bộ Tòa án lập ngày 18/02/2022 thể hiện anh Nguyễn Phi H vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã M; giữa anh và chị S đã không còn chung sống với nhau đã nhiều năm nay, sống riêng lẻ không còn quan tâm đến nhau.

Tại phiên tòa, chị S vắng mặt nhưng nêu trong đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh H; anh H vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến. Các bên không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn Lê Thị S có đơn xin xử vắng mặt; bị đơn Nguyễn Phi H tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Ý kiến giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: chị S, anh H quen biết, tìm hiểu, tiến đến hôn nhân vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C vào ngày 18/12/2002, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận, bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do không cùng quan điểm nên thường

xuyên cớ cãi và ly thân. Nay, chị S yêu cầu ly hôn với anh H; vợ chồng mâu thuẫn từ những bất đồng trong cuộc sống hàng ngày, không tìm được tiếng nói chung. Chị S gửi đơn khởi kiện nhưng anh H không có ý kiến phản hồi, không tạo điều kiện để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, chị S xác định không còn tình cảm với anh H và kiên quyết xin được ly hôn nên mục đích hôn nhân không đạt; Tại biên bản xác minh do cán bộ Tòa án lập ngày 18/02/2022 được Trưởng ấp T.B, xã M cung cấp thông tin anh Nguyễn Phi H vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã M; giữa anh và chị S đã không còn chung sống với nhau đã nhiều năm nay, sống riêng lẻ không còn quan tâm đến nhau căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S đối với anh H.

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Thanh N, sinh năm 1991, Nguyễn Thị L.C, sinh năm 1993 đều đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không đề cập.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, Tòa án không đề cập giải quyết;

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị S đối với anh Nguyễn Phi H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp:* chị S khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H, vợ chồng có 02 con đã thành niên, được xác định là tranh chấp “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về thẩm quyền:* Bị đơn Nguyễn Phi H có nơi cư trú tại địa bàn huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện C, tỉnh An Giang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh H vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành việc xét xử.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:*

[2.1] *Về tính hợp pháp:*

Chị S, anh H quen biết, tiến đến hôn nhân trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tự tìm hiểu, không ai lừa dối hay ép buộc, cả hai có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật thuộc trường hợp hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận, bảo vệ.

[2.2] *Về tình trạng hôn nhân:*

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong từng lời nói, mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi bất đồng trong cuộc sống hàng ngày không có sự thông cảm và ly thân cho đến nay, anh H đi làm xa, chị S trình bày giữa chị và anh H không còn liên lạc qua lại, vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ với nhau; điều đó, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Thời điểm chị S khởi kiện xin ly hôn, anh H không có ý kiến phản hồi, không tạo điều kiện để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, chị S xác định không còn tình cảm với anh Hùng, kiên quyết xin được ly hôn.

Tại biên bản xác minh do Cán bộ Tòa án lập ngày 18/02/2022 thể hiện anh Nguyễn Phi H vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã M; được Trưởng ấp T.B cung cấp thông tin giữa anh H và chị S đã không còn chung sống với nhau đã nhiều năm nay, sống riêng lẻ không còn quan tâm đến nhau.

Với những căn cứ trên, có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị S, anh H phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị S xin ly hôn với anh H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: các con chung đã thành niên, có khả năng lao động nên không đề cập.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: không yêu cầu, nên không đề cập;

[5] *Về án phí*: chị S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Anh H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị S.

Cho chị Lê Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Phi H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 862, do Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang, cấp ngày 18 tháng 12 năm 2002 cho chị Lê Thị S với anh Nguyễn Phi H, không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không đề cập giải quyết.

3. Về án phí: Chị Lê Thị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009792 ngày 06 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang; chị S đã nộp xong.

Anh Nguyễn Phi H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Phi H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong